

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 01/03/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK16+BK14+GTCl	7:25	8+0+14	0+0+0		5+0+5	0+0+0	chuyen 1 bk14-gtc1
2		PPD+CTK3	7:25	21+1	0+0		20+2	0+0	
3		AMD	9:25	22	0		22	0	
4		GTCl+CTK3	9:25	2+19	0+0		0+22	0+0	
5		P2+AMD	11:25	14+6	0+0		0+0	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: BK16 - BK14 - GTC1	CREW: VIỆT - MTHAO - NNAM	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/0944	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HOANG NGOC TUNG	BK16	99	1	8	2	43	66	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN HONG ANH	BK16	31	1	16			57	KH-THAC	Vietnamese
3	LE MINH THANG	BK16	29	1	2			73	KH-THAC	Vietnamese
4	LUU ĐỨC TUAN	BK16	30	1	6			89	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN QUOC TUAN	BK16	95	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỖ VĂN BÌNH	BK16	96	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THANH HAI (17773)	BK16	94	1	8			64	KH-THAC	Vietnamese
8	LE VAN THINH	BK16	97-98	2	13			63	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN PHI KHAI HOAN	GTC1	47	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN THANH HOANG	GTC1	43	1	15			69	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN DINH PHUONG	GTC1	41-42	2	17			78	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN VAN HUNG	GTC1						79	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN SON TUNG	GTC1						80	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM VAN TUYEN	GTC1						69	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN BA SON	GTC1	29-30	2	18			68	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN ĐOAN HA	GTC1	27-28	2	13			87	XAYLAP	Vietnamese
17	DINH QUANG DUNG	GTC1	31	1	3			65	XAYLAP	Vietnamese
18	LE CONG THOI	GTC1	01,40	2	19			61	XAYLAP	Vietnamese
19	BUI NGOC HOANG	GTC1	98	1	19			59	XAYLAP	Vietnamese
20	TRAN VAN Y	GTC1	24-25	2	19			67	XAYLAP	Vietnamese
21	VU ĐỨC THIEN	GTC1	99,900	2	17			64	XAYLAP	Vietnamese
22	PHAM TIEN HAI	GTC1	26	1	14			74	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK16	8	549	9	65	2	43	5		
2	BK14	0	0	0	0	1	20	0+1		CHUYEN 01 PAX TU BK14-GTC1
3	GTC1	14	989	17	158	0	0	5		
TOTAL		22	1.538	26	223	3	63	10		
WEIGHT KG			1.538		223		63			

GRAND TOAL: 1.824 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT
MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: PPD - CTK3	CREW: DUONG - CHIEN - DTUNG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/0948	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	DUONG DAI THANG	PPD	79	1	6	2	40	76	KH-THAC	Vietnamese
2	HA THANH TUNG	PPD	55-56	2	14			86	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI HUU HUAN	PPD	76	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TRUONG GIANG	PPD	73-74	2	6			57	KH-THAC	Vietnamese
5	TO QUOC THINH	PPD	75	1	9			55	KH-THAC	Vietnamese
6	VO HO HAI	PPD	72	1	2			65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGO VIET ANH	PPD	62	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
8	VU CHI KIEN	PPD						77	KH-THAC	Vietnamese
9	LE SINH TAM	PPD	59	1	9			96	KH-THAC	Vietnamese
10	DANG XUAN HAI	PPD	57-58	2	12			62	KH-THAC	Vietnamese
11	VU VAN LINH	PPD	78	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
12	LUONG VAN TANG	PPD	60	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
13	DANG DINH HOA	PPD	70	1	4			58	KH-THAC	Vietnamese
14	VU DUC TON	PPD	71	1	4			77	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI NGOC DUNG	PPD	63	1	6			56	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM THANH KIM	PPD	77	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN MANH CHIEN	PPD	64	1	7			57	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN MINH KHOI	PPD	67	1	12	1	17	71	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN HOAI BAO	PPD	65-66	2	8			76	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN HA	PPD	69	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN QUANG HOA	PPD	61	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
22	TRINH QUOC HUY	CTK3	40	1	6	2	40	67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	21	1.449	24	138	3	57	20		
2	CTK3	1	67	1	6	2	40	2		
TOTAL		22	1.516	25	144	5	97	22		
WEIGHT KG			1.516		144		97			

GRAND TOAL: 1.757 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

BUI THI HIEN LUONG

CREW

BUI HOANG DUONG
DO VAN CHIEN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO:AMD	CREW: VIỆT - MTHAO - NNAM	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/0945	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN LÊ HÒA	AMD	20	1	8			60	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM NGỌC TUẤN	AMD	18	1	2			55	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN XUÂN PHƯƠNG	AMD	15	1	7			61	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	06	1	5	7	115	47	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	AMD	01	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH TUÔNG	AMD	17	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN QUANG NGUYỄN	AMD	21	1	11			67	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ CHÍ CƯỜNG	AMD	10	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH TÂN	AMD	14	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
10	HOÀNG TRUNG KIẾN	AMD	04-05	2	9			65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	16	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
12	TÀ MẠNH HÙNG	AMD	02	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN QUYẾT	AMD	22	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM ANH ĐỨC	AMD	09	1	10			68	KH-THAC	Vietnamese
15	TRƯỜNG ĐỨC HÙNG	AMD	19	1	10			77	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	AMD	03	1	5			75	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐÌNH TIẾN	AMD	11	1	4			57	PSV	Vietnamese
18	LÊ QUỐC THUẬN	AMD	08	1	3			60	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN LAM THĂNG	AMD	07	1	4			82	PSV	Vietnamese
20	HỒ ĐỨC VIỆT	AMD	12	1	4			74	PSV	Vietnamese
21	ĐỖ ĐỨC TRUNG	AMD	23	1	13			66	PHATECO	Vietnamese
22	TRƯỜNG DUY TRUNG	AMD	13	1	6			62	PHATECO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	22	1.454	23	137	7	115	22		
TOTAL		22	1.454	23	137	7	115	22		
WEIGHT KG			1.454		137		115			

GRAND TOAL: 1.706 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO:GTC1 - CTK3	CREW: DU'ONG - CHIEN - DTUNG	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/0949	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	VU CONG VIEN	GTC1	08-09	2	19	3	43	67	XAYLAP	Vietnamese
2	TRAN CAO MONG	GTC1	10	1	7	2	35	58	PSV	Vietnamese
3	VU CONG KHANG	CTK3	49	1	6	1	18	60	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM VAN DU	CTK3	48	1	6			59	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TIEN DUNG	CTK3	43	1	2			70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN BAC HA	CTK3	59-60	2	12			65	KH-THAC	Vietnamese
7	LE THANH CHUNG	CTK3						75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGO QUANG THANG	CTK3	58	1	4			82	KH-THAC	Vietnamese
9	PHUNG DINH HAI	CTK3	57	1	6			84	KH-THAC	Vietnamese
10	LE CANH HUNG	CTK3	50	1	5	2	30	65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TRONG LINH	CTK3	45	1	7			58	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐAM VAN THANH	CTK3	52	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN ĐOAN TUAN MINH	CTK3	46	1	4			87	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN HOANG	CTK3	47	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN MINH DIEN	CTK3	51	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM HONG SON (10908)	CTK3	54	1	12	1	10	63	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐO VAN CONG	CTK3	53	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN QUOC KHIEM	CTK3	44	1	7			93	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN MANH HUNG	CTK3	61	1	7			78	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐO HUU ĐUC	CTK3	56	1	11			93	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	GTC1	2	125	3	26	5	78	0		
2	CTK3	18	1.325	18	108	4	58	22		
TOTAL		20	1.450	21	134	9	136	22		
WEIGHT KG			1.450		134		136			

GRAND TOAL: 1.720 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

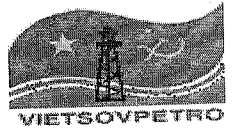
NGUYEN MAI PHI

CREW

BUI HOANG DUONG
ĐO VAN CHIEN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO: P2 - AMD	CREW: LINH - N.CUONG - THANH	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM26/0950	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐÔNG VĂN THUY	P2	78-79	2	20	2	26	73	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ VĂN DUONG	P2	84	1	12			62	XAYLAP	Vietnamese
3	VU QUANG TRUONG	P2	85	1	19	1	4	76	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ DOAN HAI	P2	71	1	18	1	8	58	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN VĂN HIEN	P2	65-66	2	19			85	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN SỸ ANH TU	P2	69	1	11	1	14	75	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT TÂN	P2	67-68	2	15			69	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN TRUNG HIẾU	P2	89-90	2	13			69	DUY LINH	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG HÀ	P2	73	1	13			67	DUY LINH	Vietnamese
10	NGUYỄN ANH THẮNG	P2	75-76	2	15			55	DUY LINH	Vietnamese
11	ĐẶNG THAI SON	P2	87	1	12			63	DUY LINH	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TRUNG	P2	82-83	2	11			56	DUY LINH	Vietnamese
13	HUYNH DUC VU	P2	77	1	11			73	DUY LINH	Vietnamese
14	TRẦN PHI HÙNG	P2	74	1	16			75	DUY LINH	Vietnamese
15	DANG TRẦN LONG	P2	80-81	2	16			61	DUY LINH	Vietnamese
16	TRAN THANH TUONG	P2	88	1	12			63	DUY LINH	Vietnamese
17	TRẦN VĂN GIÀU	AMD	34-35	2	14	2	30	72	PHATECO	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH ĐỎ	AMD	37	1	12			78	PHATECO	Vietnamese
19	LÊ THANH PHÁT	AMD	32	1	17			66	PHATECO	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐĂNG ĐỨC	AMD	33	1	7			65	PHATECO	Vietnamese
21	PHẠM MINH VƯƠNG	AMD	31	1	11			58	PHATECO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK	
		PAX	PAX WT	BAG.		PAX	CARGO		
				PCS	WT				PCS
1	P2	16	1.080	23	233	5	52	0	
2	AMD	5	339	6	61	2	30	0	
TOTAL		21	1.419	29	294	7	82	0	
WEIGHT KG			1.419		294		82		

GRAND TOAL: 1.795 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

NGÔ VĂN LINH
PHAN NHƯ CƯƠNG

Xen bỏ 1 thùng rau lên ghế trống